

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-PT

Ngày 12-12-2017

V/v tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Thắng.

Ông Nguyễn Tấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dụ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2017/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Anh N; cư trú tại: Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Anh N là ông Nguyễn Thành Đ; Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Xuân T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ trụ sở tại: Đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đồng N; cư trú tại: Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Bùi Thị Anh N, là nguyên đơn trong vụ án.
2. Ông Nguyễn Đồng N, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Anh N, trình bày:

- Bà và ông Nguyễn Đồng N kết hôn vào năm 2003 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 236/2016/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông N có tài sản chung là ngôi nhà tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, đã được Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431945 ngày 26 tháng 5 năm 2011.

- Về nguồn gốc tài sản là nhà, đất nói trên có từ việc ông Nguyễn Đồng N nhận tặng cho từ cha mẹ đẻ là ông Nguyễn Đồng Khánh và bà Trần Thị Hạnh, theo Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, lập và ký ngày 23/3/2011 tại Văn phòng Công chứng B; ông N được Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431482 ngày 09 tháng 4 năm 2011. Sau đó ông N đồng ý nhập tài sản riêng của ông vào tài sản chung của vợ chồng và được cấp giấy chứng nhận tài sản nói trên.

- Nay bà yêu cầu chia cho bà một nửa giá trị tài sản chung của bà và ông N là ngôi nhà tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; bà yêu cầu được nhận giá trị tài sản bằng tiền và giao nhà cho ông N sở hữu.

Bị đơn ông Nguyễn Đồng N, trình bày:

- Ông thống nhất với lời trình bày của bà Bùi Thị Anh N về tài sản chung của ông và bà N là ngôi nhà tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Riêng về yêu cầu của bà N về chia tài sản này thì ông đề nghị chia cho bà N 30% giá trị, còn lại ông được chia 70% giá trị; ông đồng ý nhận tài sản và thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho bà N, do nhà này là tài sản riêng của ông; đến tháng 5 năm 2011, ông mới đồng ý cho bà N cùng đứng tên sở hữu chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu thẩm định giá tài sản có tranh chấp giữa bà Bùi Thị Anh N và ông Nguyễn Đồng N; qua đó đã xác định được giá trị tài sản cụ thể như sau: Tại Chứng thư thẩm định giá, ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value , xác định giá thị trường của nhà và đất tại địa chỉ số Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, là 1.224.400.468 đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

- Căn cứ các Điều 33, Điều 46, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản sau ly hôn của bà Bùi Thị Anh N đối với ông Nguyễn Đồng N.

- Nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431945 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu cấp ngày 26 tháng 5 năm 2011 là tài sản chung của bà Bùi Thị Anh N và ông Nguyễn Đồng N.

- Giao cho ông Nguyễn Đồng N được sở hữu và sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Đồng N phải bồi trả cho bà Bùi Thị Anh N 45% giá trị ngôi nhà tương ứng với số tiền 550.980.210 đồng.

- Ông Nguyễn Đồng N có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được giao.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc chia tài sản chung bà Bùi Thị Anh N phải chịu 26.039.208 đồng, nhưng được trừ vào 27.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 05869 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hoàn lại cho bà N số tiền 1.335.792 đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc chia tài sản chung ông Nguyễn Đồng N phải chịu là 30.936.810 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã bị kháng cáo như sau:

- Ngày 08 tháng 9 năm 2017, ông Nguyễn Đồng N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chia cho ông 70% và ông thanh toán lại cho bà N 30% giá trị tài sản chung.

- Ngày 15 tháng 9 năm 2017, bà Bùi Thị Anh N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án theo hướng chia cho bà 50% giá trị tài sản chung và xem xét cho bà được miễn, giảm án phí về chia tài sản chung do bà đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ và hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tài sản là nhà và đất tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 26 tháng 5 năm 2011, đứng tên ông Nguyễn Đồng N và bà Bùi Thị Anh N. Tài sản này trước đây thuộc quyền sở hữu, sử dụng riêng của ông N do cha, mẹ để tặng cho theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 09 tháng 4 năm 2011. Sau đó ông N đồng ý nhập tài sản riêng của ông vào tài sản chung của vợ chồng và được cấp giấy chứng nhận tài sản nói trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đồng N rút một phần yêu cầu kháng cáo về chia tài sản chung đối với bà Bùi Thị Anh N, từ yêu cầu chia cho ông 70% giá trị tài sản xuống còn 65% giá trị tài sản, xét đây là sự tự nguyện của ông N và có lợi cho bà N nên cần chấp nhận việc rút yêu cầu này của ông N.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đồng N, thì thấy: Về công sức đóng góp để tạo lập khối tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng hoàn toàn là của ông N; về công sức duy trì và phát triển ngôi nhà của bà N chỉ mới bắt đầu từ năm 2011 cho đến nay. Mặt khác, trong thời kỳ hôn nhân với bà N, ông N bị tai nạn lao động mất một cánh tay, nên về sức khỏe, khả năng lao động

hiện tại là rất hạn chế. Do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N để chia cho ông 65% giá trị tài sản và chia cho bà N 35% giá trị tài sản, là đúng quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

[4] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị Anh N về yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản vì bà cho rằng bà đang trực tiếp nuôi hai con, bản thân cũng có bệnh tật và hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thì thấy: Như đã nhận định về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đồng N, việc chia tài sản chung của ông N và bà N còn phải xét về các yếu tố hoàn cảnh của gia đình, hoàn cảnh của ông N, bà N; công sức đóng góp của ông, bà vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Còn về việc nuôi hai con thì bà có thể yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con; về bệnh tật của bản thân thì bà N không chứng minh được; mặt khác, hiện tại bà N có công việc và thu nhập ổn định hơn nhiều so với ông N. Nên kháng cáo của bà N về nội dung này là không được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị Anh N về yêu cầu được miễn, giảm án phí do bà đang trực tiếp nuôi hai con và hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thì thấy: Các lý do mà bà đưa ra không thuộc các trường hợp để được miễn, giảm án phí quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên kháng cáo của bà N về yêu cầu miễn, giảm án phí là không được chấp nhận.

[6] Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông N về chia cho ông N 70%, chia cho bà N 30% giá trị tài sản, do không đảm bảo cho bà N tạo lập chỗ ở mới và nuôi hai con chung; để quyết định chia tài sản theo tỷ lệ ông N 55%, bà N 45% là không phù hợp, chưa xem xét để đảm bảo quyền

và lợi ích hợp pháp của ông N, nên Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm.

[7] Giá trị tài sản là nhà và đất tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, được định giá là 1.224.400.468 đồng, nên ông Nguyễn Đồng N được chia phần giá trị 65% tính thành tiền là 795.860.304 đồng; bà Bùi Thị Anh N được chia phần giá trị 35% tính thành tiền là 428.540.164 đồng. Do giao nhà, đất cho ông N sở hữu, sử dụng nên ông N có nghĩa vụ thanh toán cho bà N giá trị tài sản này là 428.540.164 đồng.

[8] Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về xác định lại tỷ lệ tài sản chia cho ông N và bà N nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể: Ông Nguyễn Đồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản ông được chia là 35.834.412 đồng; khoản án phí này tính trên cơ sở giá trị tài sản ông N được chia là 795.860.304 đồng. Bà Bùi Thị Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản bà được chia là 21.141.606 đồng; khoản án phí này tính trên cơ sở giá trị tài sản bà N được chia là 428.540.164 đồng.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị Anh N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N. Xét đề nghị này là không có cơ sở pháp luật như phân tích ở trên, nên không được chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Anh N; chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đồng N, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đồng N; không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Anh N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 13 và Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Anh N đối với bị đơn ông Nguyễn Đồng N về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Tuyên xử:

1. Giao cho ông Nguyễn Đồng N được sở hữu nhà ở, sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nhà và đất hiện tại có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431945, do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/5/2011, đứng tên ông Nguyễn Đồng N và bà Bùi Thị Anh N.

Ông Nguyễn Đồng N có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà và đất tại địa chỉ đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

2. Ông Nguyễn Đồng N phải thanh toán cho bà Bùi Thị Anh N số tiền 428.540.164 đồng (Bốn trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi ngàn, một trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được chia là 21.141.606 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi một ngàn, sáu trăm linh sáu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 27.375.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 005869 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; hoàn trả lại cho bà N 6.233.394 đồng (Sáu triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm chín mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Đồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được chia là 35.834.412 đồng (Ba mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm mười hai đồng)

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Bùi Thị Anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 009740 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Đồng N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn cho ông N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 009739 ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam